

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**BÙI THỊ HẢI**

**QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN  
TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC  
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

*Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính*  
*Mã số: 62 38 01 02*

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2016**

**Công trình được hoàn thành tại: Học viện Khoa học Xã hội thuộc  
Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam**

***Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. ĐINH NGỌC VƯỢNG***

***Phản biện 1: .....***

***.....***

***Phản biện 2: .....***

***.....***

***Phản biện 3: .....***

***.....***

**Luận án được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp: Học viện  
tại Học viện Khoa học Xã hội**

***Vào hồi: .... giờ.... , ngày.... tháng .... năm 2016***

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

- Thư viện Quốc gia**
- Thư viện Học viện Khoa học Xã hội thuộc Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam**

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Khái niệm quyền được thông tin xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1776 tại Thụy Điển trong Luật về tự do báo chí. Đây là đạo luật đầu tiên trên thế giới quy định về QTCTT. Đạo luật này một mặt cho phép công dân quyền tự do ngôn luận, mặt khác công nhận cho công dân có quyền được “*tiếp cận tài liệu công*”. Thế kỷ 20 sau đại chiến thế giới lần thứ 2, Liên hiệp quốc được thành lập và sự ra đời của Bản Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948; Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị 1966; Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hoá và xã hội 1966 thì QTCTT mới được thế giới thừa nhận rộng rãi. Đặc biệt vào những năm cuối cùng của thế kỷ 20 và những năm đầu thế kỷ 21, một cuộc cách mạng về quyền tự do thông tin đã bùng nổ. Nếu năm 1990 chỉ có 13 nước ban hành Luật tự do thông tin/tiếp cận thông tin thì đến nay đã có 103 nước ban hành luật này.

Với chủ trương hội nhập sâu, rộng vào môi trường quốc tế, Việt Nam đã trở thành thành viên của Liên hợp quốc và đã phê chuẩn Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR, 1966). Nhằm nội luật hóa quy định của các văn kiện trên về QTCTT, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đã thể hiện khá rõ tinh thần của quyền này. Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội VII năm 1991 đã khẳng định: “*bảo đảm quyền được thông tin... của công dân*”. Lần đầu tiên Hiến pháp Việt Nam ghi nhận: “*Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin... theo quy định của pháp luật*”. Thông qua việc ban hành các văn bản, nhà nước ta luôn quan tâm đến quyền được thông tin của người dân nhằm thực hiện chủ trương “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*” trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền. Hiến pháp năm 2013 tiếp tục kế thừa tư tưởng, chủ trương của nhà nước ta về QTCTT: “*Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin... Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định*”.

Quyền công dân nói chung và QTCTT nói riêng được mở rộng bao nhiêu thì quyền lực nhà nước càng được kiểm soát tốt bấy nhiêu, và ngược lại, công tác quản lý, điều hành của hành chính nhà nước nhận ra được những thiếu sót, khiếm khuyết, bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước từ đó được điều chỉnh phù hợp hơn với bối cảnh đất nước từng thời kỳ. Việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa một bên là đảm bảo QTCTT với một bên là hiệu quả QLHCNN là một yêu cầu cấp bách trong bối cảnh hiện nay.

Quá trình thực thi pháp luật về tiếp cận thông tin thiếu công khai, minh bạch dẫn đến tình trạng áp dụng pháp luật không thống nhất, tùy tiện; làm gia

tăng sự tham nhũng, tiêu cực của một bộ phận cán bộ, công chức. Biểu hiện rõ nhất là trong lĩnh vực quản lý hành chính về đất đai, đền bù giải toả, dự án ưu đãi... dẫn đến khiếu kiện kéo dài, khiếu kiện vượt cấp. Tuy nhiều văn bản hiện hành quy định quyền được tiếp cận thông tin của người dân nhưng trên thực tế, các cơ quan công quyền chưa thực hiện các quy định trên một cách nghiêm túc. Người dân có quyền được biết thông tin theo quy định của pháp luật nhưng hiện rất ít người nhận thức được quyền này của mình. QTCTT nói chung và QTCTT trong hoạt động QLHCNN nói riêng rất quan trọng, thông qua đó người dân giám sát bộ máy công quyền, hạn chế những tiêu cực, tham nhũng. Không thể dân chủ hóa, minh bạch hóa hoạt động của các cơ quan nhà nước và thành công trong việc phòng, chống tham nhũng nếu có sự bùng phát thông tin.

Từ các lý do trên cho thấy, việc chọn và nghiên cứu về: ***“Quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay”*** là yêu cầu khách quan, tất yếu, cấp thiết cả về lý luận cũng như thực tiễn.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

### ***2.1. Mục đích nghiên cứu của luận án***

Làm rõ những vấn đề lý luận, pháp lý về quyền tiếp cận thông tin trong QLHCNN, chỉ ra những bất cập, hạn chế của pháp luật Việt Nam về quyền tiếp cận thông tin, đánh giá thực trạng thực hiện quyền tiếp cận thông tin; đề xuất các quan điểm, giải pháp xây dựng, củng cố khuôn khổ pháp lý về QTCTT trong QLHCNN phù hợp với Hiến pháp, thông lệ quốc tế và hoàn cảnh, điều kiện thực tế của Việt Nam.

### ***2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án***

*Một là*, nghiên cứu cơ sở lý luận; khái niệm, đặc điểm, vai trò; kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về thông tin, QTCTT và QTCTT trong QLHCNN để từ đó đưa ra các yếu tố tích cực mà Việt Nam có thể tham khảo.

*Hai là*, đánh giá sự hình thành, phát triển; thực trạng bảo đảm QTCTT trong QLHCNN ở Việt Nam như: hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, nhận thức của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, các chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin, hoạt động công khai, minh bạch thông tin, hình thức, trình tự, thủ tục tiếp cận thông tin trong QLHCNN, kênh tiếp nhận, phản hồi của người dân.

*Ba là*, nghiên cứu về sự cần thiết; các quan điểm; giải pháp thúc đẩy, bảo đảm, bảo vệ QTCTT trong QLHCNN: nâng cao nhận thức của các chủ thể trong QTCTT; quy định cụ thể các chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin; tăng cường sự chủ động công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; chi tiết hoá các quy định về hình thức, trình tự, thủ tục tiếp cận thông tin; phát triển, đa dạng hoá kênh tiếp nhận, phản hồi của người dân, tổ chức.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

### ***3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án***

Nghiên cứu sinh nghiên cứu về QTCTT trong QLHCNN ở Việt Nam hiện nay, cụ thể:

- Những quan niệm, tư tưởng luật học về QTCTT, QTCTT trong lĩnh vực QLHCNN;

- Pháp luật về QTCTT trong nước, các văn kiện quốc tế về QTCTT. Pháp luật về QTCTT, các văn kiện quốc tế về QTCTT trong lĩnh vực QLHCNN

- Thực tiễn thực hiện QTCTT trong QLHCNN.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án**

Đề tài nghiên cứu nội dung cơ bản về QTCTT trong QLHCNN ở Việt Nam hiện nay dưới góc độ tiếp cận chuyên ngành Luật Hiến pháp - Luật Hành chính.

#### **3.2.1. Về nội dung**

Nghiên cứu sinh nghiên cứu những vấn đề lý luận về QTCTT trong QLHCNN bằng việc nghiên cứu pháp luật nước ta về QTCTT, các văn kiện quốc tế và khu vực, Luật TCTT của các nước đã ban hành cũng như các quan điểm học thuật về quyền này. Cùng với đó, liên hệ tới thực tiễn QLHCNN trong một số lĩnh vực ở Việt Nam để đưa ra những khuyến nghị khoa học nhằm mục đích đưa tiếp cận thông tin thành một nhu cầu và một quyền cấp thiết cần phải đảm bảo đối với mọi công dân.

#### **3.2.2. Về thời gian**

Nghiên cứu sinh nghiên cứu QTCTT trong QLHCNN ở Việt Nam từ trước tới nay, đặc biệt là những năm gần đây. Trong đó tập trung phân tích bối cảnh hiện tại của việc bảo đảm QTCTT trong QLHCNN ở Việt Nam, với dấu mốc thời gian là sửa đổi Hiến pháp 2013.

### **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án**

Để làm rõ các vấn đề nghiên cứu, luận án vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin. Đây là phương pháp luận khoa học được vận dụng nghiên cứu trong toàn bộ luận án để đánh giá khách quan QTCTT trong lĩnh vực QLHCNN ở nước ta hiện nay. Luận án cũng được nghiên cứu dựa trên đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và nhà nước ta.

- *Phương pháp hệ thống*: Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt toàn bộ luận án nhằm trình bày các vấn đề, nội dung của luận án theo trình tự, bố cục hợp lý, chặt chẽ, có sự gắn kết, kế thừa, phát triển các vấn đề để đạt được mục đích, yêu cầu đã được xác định cho luận án.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: Phương pháp này được sử dụng trong các chương của luận án. Cụ thể là được sử dụng để đi sâu vào tìm tòi, trình bày các hiện tượng, quan điểm, quy định và thực tiễn thực hiện QTCTT trong QLHCNN với cách tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học nhằm xây dựng quan niệm về QTCTT, vai trò của quyền này ở một số lĩnh vực quan trọng trong QLHCNN.

- *Phương pháp luật học so sánh*: nhằm so sánh QTCTT trong các quy định của pháp luật Việt Nam với một số nước trên thế giới đã và một số nước đang xây dựng Luật Tiếp cận thông tin.

- *Phương pháp thống kê*: nhằm thống kê, so sánh quá trình hình thành và phát triển của QTCTT trong QLHCNN từ năm 1945; đặc biệt là từ năm 1992 đến nay.

Đối với mỗi chương, mục nghiên cứu sinh sử dụng một số phương pháp nghiên cứu chủ đạo để làm rõ mục đích nghiên cứu.

## **5. Đóng góp mới về khoa học của luận án**

Trên cơ sở phân tích một cách khoa học các quan niệm trước đây để đưa ra quan niệm của mình về QTCTT nói chung và trong lĩnh vực QLHCNN nói riêng. Đặc biệt, khái niệm này phải được xem xét trong việc nghiên cứu các bản Hiến pháp trước đó ở Việt Nam (Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980) chưa có quy định về quyền tiếp cận thông tin. QTCTT mới được đề cập ở Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp 2013 và Luật Tiếp cận thông tin mới được Quốc hội thông qua và có hiệu lực ngày 01/7/2018. Luận án có những đóng góp mới như sau:

*Một là*, luận án phân tích QTCTT, vị trí của QTCTT trong hệ thống quyền con người, vai trò của QTCTT đối với công dân và sự phát triển bền vững; phân tích và đưa ra quan niệm về QTCTT, QTCTT trong QLHCNN. Trên cơ sở này, luận án làm rõ vai trò của QTCTT trong QLHCNN.

*Hai là*, phân tích chính sách, pháp luật trong lĩnh vực QLHCNN có ảnh hưởng như thế nào đến quyền tiếp cận thông tin của người dân.

*Ba là*, luận án phân tích, làm sáng tỏ vai trò của QTCTT với QLHCNN. Luận án phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại, hạn chế của các quy định pháp luật và việc thực hiện trên thực tiễn QTCTT trong các quy định pháp luật.

*Bốn là*, luận án đưa ra một số phương hướng, giải pháp bảo đảm thực hiện QTCTT của công dân trong QLHCNN.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ bổ sung về lý luận cũng như thực tiễn vào việc ghi nhận và bảo đảm QTCTT trong QLHCNN ở Việt Nam hiện nay, góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật về QTCTT. Luận án có giá trị tham khảo đối với sinh viên đại học và cao học luật, phục vụ cho công tác nghiên cứu và giảng dạy pháp luật cũng như một số chuyên ngành liên quan ở các trường đại học. Luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu và giảng dạy các môn học liên quan đến hoạt động của nhà nước, công dân và quyền con người, quyền công dân.

## **7. Cơ cấu của luận án**

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, Luận án gồm 04 chương:

*Chương 1.* Tổng quan tình hình nghiên cứu của luận án.

*Chương 2.* Những vấn đề lý luận về quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước.

*Chương 3.* Thực trạng về quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

*Chương 4.* Quan điểm và giải pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước ở nước ta hiện nay.

# Chương 1

## TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

### 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

#### 1.1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới

##### *Nhóm các công trình nghiên cứu về QTCTT*

- Nghiên cứu “*Luật Liên minh châu Âu và tự do thông tin*” của Matrix Chambers; “*Thụy Điển: Tiếp cận thông tin và bảo vệ dữ liệu*” do tác giả David Sandukhchyan - Giám đốc Trung tâm Armenia Internews về Luật thông tin và chính sách, OSCE/ODIHR; “*Tự do thông tin - một khảo sát pháp lý so sánh*” của Toby Mendel;...

##### *Nhóm công trình nghiên cứu về QTCTT trong quản lý nhà nước*

- Công trình “*Tự do thông tin trên thế giới năm 2006: Một khảo sát toàn cầu về tiếp cận luật thông tin chính quyền*” của David Banisar thuộc trung tâm Nhân quyền Privacy International; “*Tự do thông tin - một góc nhìn từ Chính phủ*” của James Poppo đăng trên tạp chí Australian Law Librarian, số 4/2011;...

Thông qua việc nghiên cứu, tìm hiểu tình hình nghiên cứu ở nước ngoài liên quan đến QTCTT, QTCTT trong QLNN tác giả nhận thấy QTCTT đã được các tổ chức quốc tế, các quốc gia quy định cụ thể. Ngoài ra, trong các tài liệu đã thu thập được có rất nhiều nghiên cứu chuyên khảo, bài viết phân tích, đánh giá dưới những khía cạnh khác nhau về QTCTT nói chung, QTCTT trong QLHCNN nói riêng. Liên quan đến nội dung của luận án và cũng nhằm tham khảo thêm về cách tiếp cận vấn đề, tác giả đã lựa chọn, tóm lược trình bày một số lý thuyết cũng như những công trình khoa học của các nhà nghiên cứu nước ngoài về QTCTT.

#### 1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

##### *Nhóm các công trình nghiên cứu về quyền con người và bảo vệ quyền con người nói chung*

Sách chuyên khảo “*Quyền con người – tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học*” – GS.TS. Võ Khánh Vinh chủ biên, NXB Khoa học và Xã hội xuất bản năm 2010 (03 tập); Sách chuyên khảo “*Cơ chế bảo đảm và bảo vệ quyền con người*” do GS.TS. Võ Khánh Vinh chủ biên, NXB Khoa học và Xã hội xuất bản năm 2011; Giáo trình giảng dạy sau đại học “*Quyền con người*” do GS.TS. Võ Khánh Vinh chủ biên, NXB Khoa học và Xã hội, năm 2011; Giáo trình “*Lý luận và pháp luật về quyền con người*”, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, NXB Chính trị Quốc gia xuất bản năm 2009.

##### *Nhóm các công trình nghiên cứu về quyền tiếp cận thông tin*

“*Quyền tiếp cận thông tin – điều kiện thực hiện các quyền con người và quyền công dân*”, PGS.TS. Thái Vĩnh Thắng; Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số

17/2009. “*Quyền tiếp cận thông tin – quy định quốc tế và đặc điểm chung của luật một số nước*” của TS. Tường Duy Kiên đăng trên tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 112 – 114 tháng 1/2008; Sách chuyên khảo “*Tiếp cận thông tin – pháp luật và thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam*” do Trung tâm Nghiên cứu quyền con người – quyền công dân và Trung tâm Luật so sánh của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2011;..

***Nhóm các công trình nghiên cứu về quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước***

- “*QTCTT và trách nhiệm của bộ máy hành chính trong bảo đảm những thông tin cá nhân*” của GS.TS. Phạm Hồng Thái trong Sách chuyên khảo “*Tiếp cận thông tin – pháp luật và thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam*” do Trung tâm Nghiên cứu quyền con người – quyền công dân và Trung tâm Luật so sánh của Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2011. Luận án tiến sỹ luật học: “*Quyền được thông tin của công dân trong phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay*” - Trần Văn Long, Viện Nhà nước và Pháp luật, năm 2015; “*Quyền tiếp cận thông tin và công tác phòng chống tham nhũng*”;..

Trong thời gian qua, đặc biệt trước khi Luật Tiếp cận thông tin được ban hành, tác giả nhận thấy liên quan đến đề tài luận án đã có một số công trình nghiên cứu của các nhà khoa học, các tác giả đề cập đến dưới những khía cạnh và góc độ khác nhau. Nhưng dưới góc độ một công trình nghiên cứu khoa học thì chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện và mang tính hệ thống tất cả các vấn đề về QTCTT trong QLHCNN nhằm đánh giá thực trạng, cũng như các biện pháp bảo đảm QTCTT trong QLHCNN, từ đó đề xuất giải pháp góp phần tăng cường và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật, bảo đảm QTCTT trong QLHCNN.

### ***1.1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án***

#### ***1.1.3.1. Những kết quả nghiên cứu mà luận án sẽ kế thừa, tiếp tục phát triển***

Các công trình nghiên cứu đã có sự thống nhất chung khi đề cập đến khái niệm, sự hình thành và phát triển; các nội hàm và vai trò của QTCTT của công dân. QTCTT được nghiên cứu dưới nhiều góc độ. Đây là cơ sở lý luận mang tính tiền đề để tác giả luận án tiếp tục đi sâu phân tích cơ sở lý luận về QTCTT (Chương 2). Đạo Luật về Tự do báo chí của Thụy Điển được ban hành vào năm 1766 đã thiết lập nguyên tắc các hồ sơ của Chính phủ phải công khai cho công chúng và trao cho người dân quyền được yêu cầu tiếp cận các văn bản của các cơ quan Chính phủ. Đây là cơ sở để tác giả nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của QTCTT trong QLHCNN từ năm 1945 đến nay (Chương 3). Các công trình nghiên cứu đã cung cấp cho tác giả một cái nhìn toàn diện về đặc điểm chung của Luật Tiếp cận thông tin ở một số nước trên thế giới dưới góc độ luật học so sánh, công trình trên đã nêu được một cách khá đầy đủ thực trạng pháp luật quốc tế, từ đó giúp tác giả có cơ sở để nghiên cứu so sánh với pháp



luật Việt Nam về QTCTT và có thể luận giải đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về QTCTT ở Việt Nam.

*1.1.3.2. Những vấn đề còn chưa được giải quyết thấu đáo hoặc cần phải tiếp tục nghiên cứu*

Khái niệm QTCTT nói chung, đặc biệt khái niệm QTCTT trong QLHCNN chưa được các công trình nghiên cứu trong nước giải quyết thấu đáo. Vì vậy, nhiệm vụ đặt ra cho luận án là trên cơ sở phân tích một cách khoa học các quan niệm trước đây để đưa ra quan niệm của mình về QTCTT nói chung và trong lĩnh vực QLHCNN nói riêng. Đặc biệt, khái niệm này phải được xem xét trong việc nghiên cứu các bản Hiến pháp trước đó ở Việt Nam (Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980) chưa có quy định về quyền được thông tin. QTCTT mới được đề cập ở Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp 2013, Luật Tiếp cận thông tin và rải rác trong một số ít văn bản mà chưa có văn bản nào giải thích khái niệm này. Chính sách, pháp luật trong lĩnh vực QLHCNN có ảnh hưởng như thế nào đến QTCTT, thực trạng QTCTT trong QLHCNN của công dân cũng chưa được các tác giả đề cập đến một cách sâu sắc. Các nghiên cứu về sự cần thiết, quan điểm, giải pháp thúc đẩy, bảo đảm, bảo vệ QTCTT trong QLHCNN chưa thực sự rõ ràng.

## **1.2. Cơ sở lý thuyết**

### **1.2.1. Câu hỏi nghiên cứu đặt ra**

Các câu hỏi nghiên cứu sẽ đặt ra trong luận án gồm:

*Thứ nhất*, Thông tin là gì? QTCTT được hiểu và quan niệm như thế nào, trên cơ sở đó, QTCTT trong QLHCNN được hiểu và quan niệm như thế nào? Chủ thể QTCTT trong QLHCNN? Nội hàm của QTCTT trong QLHCNN?

*Thứ hai*, Thông tin nào được và không được tiếp cận? QTCTT có vai trò như thế nào trong QLHCNN? Những nhân tố nào ảnh hưởng đến QTCTT trong QLHCNN? Những yếu tố bảo đảm thực hiện QTCTT trong QLHCNN?

*Thứ ba*, các quy định, cách tiếp cận về QTCTT, QTCTT trong QLHCNN trong các văn bản pháp luật quốc tế và một số nước như thế nào? Bài học rút ra có thể áp dụng cho Việt Nam?

*Thứ tư*, QTCTT được quy định trong pháp luật hiện hành ở Việt Nam như thế nào và thực tiễn áp dụng ra sao?

*Thứ năm*, Với những tồn tại, bất cập trong các quy định của pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng QTCTT thì cần phải có phương hướng và giải pháp gì để tăng cường khuôn khổ thể chế, chính sách, pháp lý, nhận thức và tổ chức thực hiện?

### **1.2.2. Cơ sở lý luận nghiên cứu**

Học thuyết Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật; Các quan điểm của Đảng, Nhà nước về công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; Các quan điểm của

Đảng và Nhà nước về bảo đảm quyền con người, quyền công dân; về cải cách tư pháp, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị; Những tư tưởng tinh hoa của nhân loại về nhà nước, pháp luật, quyền con người, dân chủ,...

### ***1.2.3. Các giả thuyết nghiên cứu***

Trên cơ sở nền tảng về nghiên cứu những nội dung có liên quan đến luận án, tác giả đặt ra một số giả thuyết nghiên cứu như sau:

*Thứ nhất*, QTCTT trong QLHCNN là một quyền con người cơ bản và mang tính chính trị do gắn với tư cách công dân của một cá nhân cụ thể. Tuy nhiên có sự khác biệt rõ rệt với quyền tự do thông tin và quyền tiếp cận thông tin.

*Thứ hai*, QTCTT trong QLHCNN có vai trò và ý nghĩa ngày càng quan trọng đối với mọi cá nhân, tổ chức và cả các cơ quan nhà nước trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam.

*Thứ ba*, việc hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc bảo đảm QTCTT trong QLHCNN của người dân cần được tiến hành đồng bộ cùng với việc phát triển cơ sở hạ tầng và cần được đặt trong mối tương quan chặt chẽ với việc bảo đảm các quyền con người khác về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.

*Thứ tư*, QTCTT nói chung đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận theo các điều ước quốc tế về quyền con người.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã nêu đầy đủ và hệ thống lịch sử phát triển khái niệm QĐTT và QTCTT. Theo đó, quyền này là quyền cơ bản của con người, đây không phải là khái niệm mới, mà đã xuất hiện trong thời kỳ Ánh sáng vào thế kỷ 18. Chính trong đạo Luật về tự do báo chí của Thụy Điển được ban hành vào năm 1766 đã thiết lập nguyên tắc các hồ sơ của Chính phủ phải công khai cho công chúng và trao cho người dân quyền được yêu cầu tiếp cận các văn bản của các cơ quan Chính phủ.

Các công trình nghiên cứu đã đề cập và phân tích cơ sở lý luận của QTCTT trước hết là xuất phát từ mối quan hệ giữa quyền con người, quyền công dân và những bảo đảm QTCTT trong QLHCNN. Từ nội hàm khái niệm và các khía cạnh khác nhau của nội hàm khái niệm, các tác giả đã nêu một số đặc điểm cơ bản của QTCTT. Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã cung cấp cho tác giả một cái nhìn toàn diện về đặc điểm chung của Luật tiếp cận thông tin ở một số nước trên thế giới dưới góc độ luật học so sánh. Các đặc điểm cụ thể như: thuật ngữ, khái niệm tiếp cận thông tin; chủ thể được yêu cầu cung cấp thông tin; phạm vi áp dụng luật; các ngoại trừ cung cấp thông tin; cơ chế khiếu nại; các biện pháp chế tài; công khai thông tin; trì hoãn công khai cung cấp thông tin; lệ phí tiếp cận thông tin... Dù các nước với các hệ thống pháp luật khác nhau nên khái niệm QTCTT có thể được hiểu ở góc độ khác

nhau nhưng tổng quan các tài liệu này cho phép tác giả có cơ sở khái quát khái niệm quyền này một cách đa chiều và có tính so sánh, đối chiếu.

Nghiên cứu sinh đặt vấn đề nghiên cứu QTCTT trong lĩnh vực QLHCNN, kế thừa những thành quả đạt được của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, dựa trên các giả thuyết và phương pháp nghiên cứu đã nêu ở trên, tác giả phân tích có hệ thống QTCTT của công dân, tổ chức trong lĩnh vực QLHCNN từ đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật, mở rộng QTCTT trong QLHCNN ở Việt Nam hiện nay.

## **Chương 2**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

#### **2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước**

##### **2.1.1. Khái quát, đặc điểm thông tin trong quản lý hành chính nhà nước**

Trong ngôn ngữ tiếng Việt, thuật ngữ “*thông tin*” được hiểu là “*tin tức về các sự kiện diễn ra trong thế giới xung quanh*”. Theo cách hiểu này thì mọi tin tức về các sự kiện diễn ra trong thế giới tự nhiên và xã hội đều trở thành thông tin. Để sử dụng một cách có hiệu quả đòi hỏi phải thu thập, xử lý và hệ thống hoá những thông tin đó dưới những hình thức nhất định.

*Thông tin trong QLHCNN là những tài liệu, dữ liệu, những đặc trưng của các đối tượng, hiện tượng được thu thập và hệ thống hóa dưới hình thức nhất định hoặc do cơ quan hành chính nhà nước tạo ra trong quá trình thực thi công vụ và được thể hiện dưới bất kỳ dạng hình thức nào có thể nhận thức được.*

##### **2.1.2. Khái niệm, đặc điểm của quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước**

“Tiếp cận” theo bất cứ nghĩa nào, quyền tiếp cận thông tin cũng chỉ có nghĩa là quyền tìm kiếm, tiếp nhận thông tin mà không bao gồm quyền chia sẻ, phổ biến, lưu trữ, sử dụng thông tin được cơ quan nhà nước, các tổ chức và các nhân khác trong xã hội chia sẻ. QTCTT trong QLHCNN có sự khác biệt nhất định so với “quyền được thông tin”; “quyền tự do thông tin”.

Tác giả nhận định: *QTCTT trong QLHCNN chính là quyền của người dân được tìm kiếm, tiếp nhận những thông tin về thể chế, chính sách, pháp luật, thủ tục hành chính; chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành của bộ máy hành chính nhà nước ở các cấp; về đội ngũ cán bộ, công chức; nguồn lực tài chính, tài sản công và các điều kiện khác về vật chất, kỹ thuật nhằm đảm bảo thực thi công vụ hiệu quả theo quy định của pháp luật.*

QTCTT trong QLHCNN có các đặc điểm sau: là một quyền công dân cơ bản, là cơ sở để bảo đảm các quyền khác của công dân; mang tính chính trị rõ rệt; biểu hiện tính dân chủ trong hoạt động QLHCNN; phụ thuộc vào thiện chí

của nhà nước và sự phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội; có liên quan chặt chẽ đến việc bảo vệ bí mật nhà nước.

### **2.1.3. Vai trò và giới hạn của quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước**

#### **2.1.3.1. Vai trò của quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước**

*a. Quyền tiếp cận thông tin trong tổng thể quyền con người, quyền công dân khác với hoạt động quản lý hành chính nhà nước*

Khi thực hiện đầy đủ QTCTT, công dân ngày càng mở rộng khả năng được tham gia vào hoạt động QLHCNN, bảo vệ các quyền và lợi ích của mình, giám sát, kiểm soát các hoạt động QLHCNN do cơ quan nhà nước thực hiện.

*b. Quyền tiếp cận thông tin có tác động mạnh mẽ đến việc xây dựng một nền hành chính hiện đại*

Để đạt được mục tiêu xây dựng nền hành chính hiện đại thì cần phải đảm bảo việc người dân được thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về pháp luật và tất cả các thông tin khác liên quan đến quá trình thực thi công vụ của cán bộ, công chức nhà nước, đồng thời phải đảm bảo cơ chế tiếp cận thông tin từ phía người dân của các cơ quan nhà nước.

*c. Thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý hành chính và đấu tranh phòng chống tham nhũng*

Trách nhiệm giải trình, công khai thông tin của cơ quan nhà nước là cơ sở để phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, tổ chức, đoàn thể và nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi chức trách, công vụ.

*d. Vai trò của việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về một số vấn đề trong quản lý hành chính nhà nước*

*Về kinh tế:* việc tiếp cận thông tin được tốt hơn, thì sẽ thúc đẩy nhiều đầu tư hơn, do đó, kinh tế tăng trưởng tốt hơn.

*Về khả năng nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước:* cơ chế giám sát có hiệu quả nhờ công chúng trong các hoạt động của cơ quan công quyền, đặc biệt là các cơ quan hành chính, qua đó, các cơ quan này cũng sẽ hoạt động có hiệu quả và trách nhiệm hơn.

*Tác động lên khu vực tư nhân:* làm giảm rủi ro cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; các rủi ro đối với người dân cũng giảm; giảm chi phí kiện tụng, chi phí nghiên cứu pháp luật đối với doanh nghiệp; giảm vi phạm pháp luật và khiếu nại, khiếu kiện.

*Về cải thiện mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân*

*Tác động tích cực đến sự tuân thủ pháp luật của cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp:* thúc đẩy sự tuân thủ pháp luật của cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp.

### *2.1.3.2. Giới hạn của quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước*

Công dân có QTCTT trong QLHCNN nhưng không phải tất cả các thông tin đang được nắm giữ bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ được công khai hết, và tiếp cận thông tin không đồng nhất với việc cá nhân, công dân, tổ chức được tự do tìm kiếm, tiếp cận tất cả các loại hồ sơ, tài liệu lưu giữ thông tin.

## **2.2. Các nguyên tắc, nội dung và hình thức của quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước**

### *2.2.1. Các nguyên tắc của quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước*

#### ***Nguyên tắc 1: Mở rộng tối đa thông tin được tiếp cận***

Những thông tin nào công chúng được phép tiếp cận, những thông tin nào bị hạn chế cần phải được pháp luật quy định cụ thể, rõ ràng theo hướng công khai tối đa.

#### ***Nguyên tắc 2: Nghĩa vụ công khai thông tin – các cơ quan công quyền có nghĩa vụ công khai thông tin***

Hầu hết luật tiếp cận thông tin của các nước đều quy định các cơ quan nhà nước mà chủ yếu là cơ quan hành chính có trách nhiệm cung cấp thông tin.

#### ***Nguyên tắc 3: Thúc đẩy xây dựng hệ thống các cơ quan chính phủ theo hướng mở***

Các cơ quan hành chính công cần tích cực thực hành chính phủ mở và xóa bỏ văn hóa bí mật trong quá trình QLHCNN

#### ***Nguyên tắc 4: Phạm vi giới hạn các ngoại lệ - những ngoại lệ cần được giải thích rõ ràng và có phạm vi hẹp; có những thử nghiệm về tác động “gây hại” và “lợi ích công”***

Đây là nguyên tắc nhằm ngăn cản các nhà nước lạm dụng khả năng miễn trừ để đặt ra những giới hạn không cần thiết gây khó khăn cho việc thực hiện QTCTT của công chúng.

#### ***Nguyên tắc 5: Các quy trình bảo đảm thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin được đầy đủ, dễ dàng***

Bảo đảm quá trình tiếp cận thông tin được đầy đủ và dễ dàng bằng cách thiết lập và củng cố cơ chế cung cấp thông tin nhanh, đủ, hiệu quả, công bằng và có đánh giá giám sát độc lập và cơ chế giải quyết khiếu nại độc lập phải được bảo đảm để giải quyết vệc từ chối cung cấp thông tin.

#### ***Nguyên tắc 6: Vấn đề về chi phí tiếp cận thông tin***

Chi phí tiếp cận thông tin từ cơ quan công không được quá cao nhằm giảm số lượng yêu cầu thông tin, nhằm thúc đẩy tiếp cận thông tin và nhằm hướng tới số lợi ích lâu dài của sự mở của thông tin hơn là vấn đề chi phí.

#### ***Nguyên tắc 7: Các cuộc họp công khai – Các cuộc họp của cơ quan công phải được công khai trước công chúng***

Công khai các cuộc họp, đặc biệt là những hoạt động liên quan đến

QLHCNN bằng cách thông báo cho công chúng biết về các cuộc họp của các cơ quan công quyền.

***Nguyên tắc 8: Sự công khai phải có vị trí ưu tiên - Những đạo luật không còn phù hợp với nguyên tắc công khai tối đa phải được sửa đổi hoặc bãi bỏ***

***Nguyên tắc 9: Bảo vệ người cung cấp thông tin sai trái – Cá nhân cung cấp thông tin việc làm sai trái phải được bảo vệ***

Bảo vệ những người cung cấp thông tin sai trái đảm bảo kiểm soát hoạt động quản lý công, tránh lạm quyền, lộng quyền và tham nhũng, những mối đe dọa nghiêm trọng tới sức khỏe, an toàn, môi trường,...

***Nguyên tắc 10: Xử lý vi phạm liên quan đến tiếp cận thông tin***

Những hành vi vi phạm đến QTCTT cần phải bị xử lý bằng những biện pháp nghiêm khắc. Các chủ thể này có thể phải chịu trách nhiệm dân sự, hành chính, hình sự theo quy định của pháp luật quốc gia.

***2.2.2. Nội dung, hình thức của quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước***

Tác giả tiếp cận QTCTT theo quan điểm nội hàm QTCTT chỉ bao gồm quyền tiếp nhận thông tin và quyền tìm kiếm thông tin. Hình thức QTCTT trong QLHCNN rất đa dạng.

***2.3. Các bảo đảm của quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước***

***2.3.1. Bảo đảm về chính trị, pháp lý***

Từ việc nắm giữ quyền lực của một đảng phái nhất định có thể thấy quan điểm về bảo đảm thực thi các quyền con người nói chung và QTCTT nói riêng trong bối cảnh kinh tế - xã hội nhất định.

***2.3.2. Các biện pháp pháp luật và sự tuân thủ pháp luật về quyền tiếp cận thông tin***

***2.3.2.1. Các biện pháp pháp luật bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước***

Các chủ thể của QTCTT trong lĩnh vực QLHCNN ở thế bất cân bằng về thế và lực. Chính vì vậy, cần phải có những quy định hình thành nên biện pháp hữu hiệu bảo đảm QTCTT được thực thi.

***2.3.2.2. Đội ngũ công chức và sự tuân thủ pháp luật về quyền tiếp cận thông tin trong lĩnh vực quản lý hành chính***

Từ thực tiễn cho thấy cần nâng cao trình độ chuyên môn và nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để đảm bảo QTCTT của người dân.

***2.3.3. Nhận thức chung của xã hội về quyền tiếp cận thông tin***

Thông tin là nhu cầu thiết yếu trong mọi hoạt động của đời sống xã hội, là công cụ để điều hành quản lý, lãnh đạo của mỗi quốc gia, là phương tiện hữu hiệu để mở rộng giao lưu hiểu biết giữa các quốc gia dân tộc, là nguồn cung cấp tri thức, là nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

QTCTT trong QLHCNN của công dân là khái niệm được sử dụng để nói đến khả năng tìm kiếm thông tin, tiếp nhận những thông tin do nhà nước đang quản lý, theo các cách thức trực tiếp hoặc gián tiếp phù hợp với nhu cầu và điều kiện của công dân. Mục đích cao nhất của việc bảo đảm quyền này là bảo vệ khả năng được tự vệ trước hoạt động quản lý điều hành của cơ quan công quyền mà có nguy cơ ảnh hưởng đến đời sống của công dân.

QTCTT có vai trò quan trọng trong việc tăng cường khả năng thực thi các quyền con người khác về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Bằng QTCTT, người dân có thể thúc đẩy các cơ quan hành chính nhà nước và quan chức nhà nước có phản ứng và hành động nhanh hơn để giải quyết các vấn đề tồn tại của xã hội có ảnh hưởng tới người dân. QTCTT là công cụ giúp người dân có khả năng giám sát các hoạt động QLHCNN, đảm bảo việc thực hiện quyền lực nhà nước không bị vượt ra khỏi giới hạn hiến định và luật định.

QTCTT có vai trò là nhân tố làm nhà nước hoạt động tốt hơn, thúc đẩy nhận thức và cải thiện cách thức làm việc của các cơ quan và quan chức nhà nước nói chung và các cơ quan thực hiện chức năng QLHCNN nói riêng. QTCTT giúp giảm thiểu những hiểu nhầm và sự phản đối của công chúng đối với các chính sách và hoạt động của bộ máy nhà nước. QTCTT giúp nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu, thuận tiện trong quản lý.

Việc thực hiện QTCTT được thực hiện bằng nhiều phương thức, bao gồm người dân tiếp cận thông tin trên cơ sở công khai thông tin từ phía nhà nước và người dân thực hiện quyền yêu cầu cung cấp thông tin. Việc chủ động công khai thông tin từ phía nhà nước giúp cho thông tin được công khai và việc tiếp cận dễ dàng hơn, tuy nhiên điều này chỉ thực hiện với một số loại thông tin nhất định. Đối với các trường hợp tiếp cận thông tin theo yêu cầu, người dân và các tổ chức phải thực hiện theo những trình tự, thủ tục nhất định. Việc tiếp cận thông tin theo yêu cầu có tính mục đích và áp dụng đối với những thông tin ở phạm vi hẹp hơn. Trách nhiệm giải trình bao gồm cung cấp thông tin và giải thích, làm rõ về cơ sở của việc ban hành hay thực hiện các hành vi của cơ quan nhà nước, về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, các cá nhân có liên quan. Do đó, phương thức thực hiện QTCTT được thực hiện trên cơ sở công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước.

Để bảo đảm QTCTT của người dân, mỗi quốc gia tùy thuộc vào thể chế và các khuôn khổ chính sách của mình, đưa ra các bảo đảm khác nhau. Tuy nhiên, về cơ bản, để bảo đảm QTCTT của người dân, trước hết cần được thể hiện trong bảo đảm về chính trị, pháp lý. Trên cơ sở đó quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, của cán bộ, công chức trong việc thực hiện bảo vệ quyền con người, quyền công dân nói chung và QTCTT nói riêng. Bên cạnh đó cần bảo đảm quyền khiếu nại, khiếu kiện khi có sự vi phạm quyền được thông tin của

người dân, bảo đảm xử lý các vi phạm QTCTT, giám sát việc thực hiện quyền và dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội của đất nước.

Với ý nghĩa và tầm quan trọng, QTCTT đã và đang được các quốc gia trên thế giới ghi nhận, xác lập và bảo đảm thực hiện trong đời sống kinh tế - chính trị của mình. Việt Nam cũng đã ghi nhận và cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật như Luật tiếp cận thông tin, Luật phòng, chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở, Luật báo chí, Luật xuất bản,... Với những ghi nhận và bảo đảm thực hiện QTCTT của người dân trong một số các lĩnh vực cụ thể đã bước đầu góp phần đáp ứng các nhu cầu tiếp cận thông tin, phục vụ cho việc thực hiện các quyền dân sự, kinh tế, chính trị khác của người dân. Bên cạnh đó góp phần hiệu quả vào việc giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan này và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

### **Chương 3**

## **THỰC TRẠNG QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **3.1. Thực trạng cơ chế quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước**

#### ***3.1.1. Quan điểm trong các văn kiện của Đảng và cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin trong hệ thống pháp luật Việt Nam***

QTCTT chưa được đề cập trong các văn kiện của Đảng trước năm 1991, đến khi Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên xã hội chủ nghĩa được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991), lần đầu tiên quy định bảo đảm quyền được thông tin của công dân. Thể chế hóa các quan điểm, Nghị quyết của Đảng từ năm 1991, Hiến pháp 1992 lần đầu tiên chính thức ghi nhận quyền được thông tin của công dân tại Điều 69. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020 đã xác định: “Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin, báo chí, internet, xuất bản. Bảo đảm QĐTT và cơ hội tiếp cận thông tin của nhân dân, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc”, “Quy định chế độ cung cấp thông tin và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trước nhân dân”. Hiến pháp năm 2013 tiếp tục quy định về QTCTT của công dân. QTCTT đã được luật hóa trong Luật tiếp cận thông tin năm 2016 và trong các luật chuyên ngành.

#### ***3.1.2. Pháp luật về quyền tiếp cận thông tin trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước***

##### ***3.1.2.1. Chủ thể có quyền tìm kiếm thông tin***

Chủ thể của quyền tìm kiếm thông tin chủ yếu là công dân.



### *3.1.2.2. Chủ thể có nghĩa vụ cung cấp thông tin*

Trách nhiệm cung cấp thông tin như thế nào thì các cơ quan nhà nước là chủ thể chính phải có nghĩa vụ cung cấp thông tin. Do đó, đối với QTCTT trong QLHCNN thì chủ thể có nghĩa vụ cung cấp thông tin cơ quan nhà nước, tổ chức có thực hiện chức năng QLHCNN.

### *3.1.2.3. Phạm vi thông tin được cung cấp theo yêu cầu*

Pháp luật đã quy định quyền yêu cầu cung cấp thông tin của công dân. Tuy nhiên, những quy định này còn chung chung, chủ yếu là nêu lên nguyên tắc, chưa có hướng dẫn cụ thể để áp dụng trong thực tiễn; một số nội dung chưa rõ ràng, đồng bộ và thống nhất giữa các luật.

## **3.1.3. Pháp luật về quyền tiếp nhận thông tin trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước**

### *3.1.3.1. Chủ thể có quyền tiếp nhận thông tin*

Chủ thể của quyền tiếp nhận thông tin bao gồm công dân Việt Nam, công dân nước ngoài hoặc người không có quốc tịch, tổ chức có tư cách pháp nhân.

### *3.1.3.2. Chủ thể có trách nhiệm công khai thông tin*

Trách nhiệm công khai thông tin là các cơ quan, tổ chức, đơn vị, bao gồm: cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước.

### *3.1.3.3. Phạm vi và loại thông tin phải công khai*

Quyền tiếp nhận thông tin là một quyền có giới hạn nên phải xác định phạm vi thông tin phải công khai và không được công khai.

## **3.2. Thực tiễn thực hiện quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước qua một số lĩnh vực chủ yếu ở nước ta hiện nay**

### **3.2.1. Khái quát thực tiễn nhu cầu tiếp cận thông tin**

Thông tin là cơ sở quan trọng để thực hiện các quyền dân sự, chính trị của người dân. Nhu cầu thông tin của người dân trước hết tập trung vào những nhóm thông tin liên quan trực tiếp đến đời sống hàng ngày của người dân – đó là những thông tin phục vụ các quyền dân sự của người dân. Tiếp đến là những nhóm thông tin phục vụ các quyền chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,... Công khai, minh bạch, tính trách nhiệm giải trình thì người dân mới có thể dễ dàng tiếp cận hồ sơ, tài liệu, văn bản, chính sách, pháp luật của nhà nước, mới biết được cơ quan công quyền đang làm gì và hoạt động như thế nào.

### **3.2.2. Thực tiễn thực hiện quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước**

#### *3.2.2.1. Thực tiễn quyền tiếp cận thông tin trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông*

Quyền tiếp nhận thông tin của người dân thông qua hoạt động thông tin, truyền thông đã đạt được những kết tích cực bởi đây là kênh phổ biến, hữu hiệu, nhanh chóng nhất. Thực tiễn thực hiện quyền tiếp nhận thông tin trong lĩnh vực

báo chí, truyền thông có một số khó khăn, hạn chế như thường chậm hơn dư luận, có những kênh thông tin không chính thức, việc TCTT của người dân ở vùng sâu, vùng xa còn khó khăn.

*3.2.2.2. Thực tiễn tổ chức thực hiện quyền tiếp cận thông tin trong lĩnh vực quản lý hành chính về tài nguyên – môi trường*

Những năm gần đây thông tin trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường được nhà nước công khai, minh bạch hơn và việc thực hiện QTCTT của người dân cũng dễ dàng hơn. Tuy nhiên, do là lĩnh vực nhạy cảm, liên quan đến lợi ích của nhiều bên nên việc thực hiện QTCTT trong lĩnh vực này còn nhiều khó khăn, vướng mắc cần được tháo gỡ.

*3.2.2.3. Thực tiễn tổ chức thực hiện quyền tiếp cận thông tin trong lĩnh vực quản lý nhà nước về tài chính, tiền tệ*

Với vai trò là một trong những ngành tiên phong khi mở cửa thị trường và hội nhập quốc tế, thông tin trong lĩnh vực quản lý nhà nước về tài chính, tiền tệ rất nhạy cảm, ảnh hưởng mạnh mẽ đến nền kinh tế của mỗi quốc gia. Vì vậy, yêu cầu về tính công khai, minh bạch trong lĩnh vực quản lý nhà nước về tài chính, tiền tệ càng trở nên cấp thiết để đảm bảo quyền tìm kiếm thông tin của công dân.

*3.2.2.4. Thực tiễn thực hiện quyền tiếp cận thông tin trong lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế - thương mại*

Quyền tìm kiếm thông tin về thương mại tăng lên rõ rệt từ khi Việt Nam tham gia vào Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận với những thông tin trong lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế thương mại. Tuy nhiên, thông tin trong một số vấn đề trong lĩnh vực này vẫn còn những hạn chế.

*3.2.2.5. Thực tiễn thực hiện quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính*

Những năm gần đây, QTCTT về thủ tục hành chính được bảo đảm do cơ quan nhà nước đẩy công khai thông tin, thông tin được công khai rõ ràng và đầy đủ.

*3.2.2.7. Thực tiễn quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước về y tế*

Người dân trong những năm qua được tiếp cận với các hoạt động y tế và chăm sóc sức khỏe tốt hơn, có sự khác biệt lớn về mức độ tiếp cận các thông tin về y tế giữa các nhóm đối tượng là dân cư khu vực thành thị, người giàu có và khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo.

**3.3. Thực trạng bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước**

***3.3.1. Bảo đảm về mặt chính trị, pháp lý***

Trong điều kiện nước ta hiện nay, việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng việc hoạch định đường lối, chủ trương về quyền con người là rất cần thiết, làm cơ sở cho việc thể chế hóa thành pháp luật.

### ***3.3.2. Các biện pháp pháp luật và sự tuân thủ pháp luật về quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước***

#### ***3.3.2.1. Quy định chế độ cập nhập thông tin***

Việc cập nhập thông tin thường xuyên trong những năm qua được nhà nước nói chung và các cơ quan QLHCNN nói riêng quan tâm đặc biệt để bảo vệ quyền và lợi ích của người dân. Trong đó có QTCTT, giám sát và phản biện xã hội,... Các hình thức cập nhập thông tin như: Hộp báo, cung cấp thông tin cho báo chí; Niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi tiếp dân của cơ quan QLHCNN; cổng thông tin điện tử của cơ quan QLHCNN.

#### ***3.3.2.2. Quy định chế độ công khai thông tin***

Các cơ quan Nhà nước, các sở, ban, ngành và các tỉnh, thành phố thực hiện việc công khai thông tin cùng lúc bằng những hình thức khác nhau. Việc công khai thông tin được thực hiện bằng hình thức nào là do người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định. Trong đó, có những hình thức công khai thông tin ít được người dân quan tâm hoặc người dân ít có cơ hội tiếp cận. Cơ chế giám sát và xử lý đối với các cơ quan, đơn vị không công khai, chậm công khai hoặc công khai không đầy đủ, không hiệu quả còn thiếu. Nhận thức về pháp luật của bộ phận đông đảo người dân còn hạn chế nên việc thực hiện quyền giám sát, quyền yêu cầu công khai thông tin cũng hạn chế

#### ***3.3.2.3. Bảo đảm quyền khiếu nại và xử lý vi phạm quyền tiếp cận thông tin của công dân***

Tại Việt Nam, việc khiếu nại, khiếu kiện về tiếp tiếp thông tin được thực hiện thông qua con đường hành chính trên cơ sở Luật khiếu nại 2011, Luật tố cáo 2011 và Luật tố tụng hành chính 2010.

#### ***3.3.2.4. Giám sát việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước***

*Giám sát của các thiết chế nhà nước:* đây được coi là một thế mạnh của cách thức giám sát thông qua các thiết chế nhà nước song cũng chính bản thân cách thức này cũng tiềm ẩn nguy cơ nếu như quá trình giám sát không được thực hiện một cách minh bạch.

*Giám sát của các thiết chế dân sự:* người dân với vị thế của mình đã không nắm được đầy đủ thông tin, dẫn đến không có khả năng thực hiện các quyền giám sát đối với các hoạt động công vụ mà một trong số đó là việc giám sát thực hiện QTCTT.

### ***3.3.3. Trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức và sự tuân thủ pháp luật về quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước***

#### ***3.3.3.1. Trách nhiệm công khai, minh bạch***

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước và những nội dung khác theo quy định.

#### ***3.3.3.2. Trách nhiệm giải trình***

Khi có yêu cầu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải giải trình về quyết

định, hành vi của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trước cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích hợp pháp bị tác động trực tiếp bởi quyết định, hành vi đó.

#### *3.3.3.3. Trách nhiệm phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí*

Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí được thực hiện đồng đều giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị. Một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện nghiêm túc Quy chế, chưa thực hiện việc tổ chức họp báo định kỳ, chưa tận dụng được Cổng thông tin điện tử trong việc cung cấp thông tin cho báo chí.

#### *3.3.4. Nhận thức chung của người dân về quyền tiếp cận thông tin*

Vấn đề nhận thức của người dân hiện nay đối với quyền về được yêu cầu cung cấp, tìm kiếm thông tin còn nhiều bất cập, chưa đầy đủ, nên nhiều khi quyền này không được thực hiện một cách đầy đủ trên thực tế.

### **3.4. Đánh giá việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước**

#### *3.4.1. Những mặt đã đạt được*

Pháp luật hiện nay đã quy định đầy đủ các hình thức công khai, tiếp cận thông tin trong Luật Tiếp cận thông tin, Luật Phòng, chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn,.. Các biện pháp bảo đảm QTCTT, xử lý vi phạm cũng được quy định đầy đủ, rõ ràng trong Luật Tiếp cận thông tin và các luật chuyên ngành khác.

#### *3.4.2. Một số tồn tại, hạn chế*

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, quy định và việc thực hiện QTCTT của người dân trong QLHCNN vẫn còn những tồn tại, hạn chế, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền khác cũng như hoạt động giám sát đối với cơ quan nhà nước của người dân.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Nhà nước là trung tâm quyền lực chính trị - là công cụ của Đảng để biến các chủ trương, đường lối thành hiện thực. Trong quá trình thực thi các hoạt động của mình, Nhà nước luôn thể hiện rõ vai trò là nhà tổ chức quản lý và liên tục có các hoạt động cung cấp thông tin đến người dân. Các cơ quan nhà nước nói chung và cơ quan QLHCNN nói riêng đã công khai thông tin rất nhiều trên phương tiện thông tin, đại chúng. Tuy nhiên, thông tin rất chậm chạp, tản mạn, đôi khi là trái chiều và ít có sự tổng hợp, bình luận, đánh giá và đưa ra kết luận vấn đề để người dân nắm vững thông tin được tiếp cận.

Pháp luật hiện hành còn chưa xác định rõ được nguyên tắc thực hiện quyền và hạn chế quyền theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013; thiếu các tiêu chí để xác định thông tin được tiếp cận và thông tin không được hoặc bị hạn chế tiếp cận, thiếu tiêu chí để phân loại thông tin. Trong nhiều lĩnh vực, thiếu các quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn thực hiện việc công bố công khai hoặc

cung cấp thông tin theo yêu cầu. Đặc biệt là thiếu cơ chế pháp lý để bảo vệ quyền và cơ chế bảo đảm việc thực thi QTCTT.

Thực trạng quản lý, công khai và cung cấp thông tin tại các cơ quan nhà nước còn nhiều bất cập, chưa tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin một cách nhanh chóng và thuận tiện, nhất là việc tiếp cận các thông tin liên quan trực tiếp đến việc thực hiện, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Việc giám sát thực thi QTCTT, xử lý các vi phạm về QTCTT và giải quyết khiếu nại, khiếu kiện về QTCTT trong QLHCNN của các chủ thể còn chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Để thực hiện có hiệu quả QTCTT của người dân trong QLHCNN cần thiết phải hoàn thiện các quy định pháp luật và thực hiện có hiệu quả các quy định pháp luật về vấn đề này. Trong đó, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và người dân đóng vai trò quan trọng. Để thực hiện có hiệu quả QTCTT, cơ sở pháp lý là chưa đủ, người dân cần biết mình có quyền này và biết trình tự, thủ tục tiếp cận thông tin hiệu quả.

## **Chương 4**

### **QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

#### **4.1. Các quan điểm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước**

##### ***4.1.1. Mở rộng tối đa giới hạn của quyền tiếp cận thông tin trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước***

Các cơ quan QLHCNN cần phải có nghĩa vụ công khai toàn bộ thông tin mình nắm giữ, chỉ có thể bị hạn chế trong một vài trường hợp luật quy định và tương ứng, mọi công dân, tổ chức có tư cách pháp nhân đều có quyền tiếp nhận thông tin. Tất cả mọi công dân đang sinh sống trên lãnh thổ quốc gia, tổ chức có tư cách pháp nhân hoạt động trên lãnh thổ nước ta đều được hưởng quyền này. Nếu cơ quan QLHCNN từ chối cung cấp thông tin thuộc lĩnh vực mình quản lý thì phải có trách nhiệm nêu rõ lý do của việc đó.

##### ***4.1.1.1. Nguồn lực về thể chế chính trị***

Tại Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đã đề ra 10 phương hướng, giải pháp, trong đó có yêu cầu bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đây là định hướng rất quan trọng và kịp thời của Đảng trong bối cảnh hiện nay của đất nước.

##### ***4.1.1.2. Nguồn lực về điều kiện về kinh tế - xã hội đối với việc thực thi và bảo đảm quyền***

Bảo đảm QTCTT sẽ giúp cho các doanh nghiệp giảm thiểu chi phí kinh

doanh và các rủi ro khi đầu tư, từ đó thu hút đầu tư và tạo công ăn việc làm nhiều hơn.

#### ***4.1.1.3. Huy động các cơ chế dân sự thực hiện quyền tự do thông tin***

Có thể thấy sự phát triển của nhiều tổ chức xã hội dân sự ở Việt Nam trong thời gian qua đã thể hiện tính mở trong quan điểm của nhà nước đối với các nhóm này.

#### ***4.1.1.4. Các hình thức huy động nguồn lực xã hội***

Cần thiết phải có cách nhìn mới về thực hiện xã hội hóa; về khái niệm, vai trò, phương thức hoạt động, tính công khai, minh bạch và sự quản lý của Nhà nước đối với hoạt động này; trên cơ sở đó tìm hiểu rõ hơn về cơ chế thực hiện xã hội hóa và pháp luật của một số nước và tổ chức quốc tế.

#### ***4.1.2. Công khai, minh bạch trong quản lý hành chính nhà nước***

Là một phương thức thực hiện quyền được thông tin của người dân, điều này đòi hỏi các cơ quan nhà nước phải công khai những nội dung thông tin theo quy định của pháp luật.

#### ***4.1.3. Ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ bảo đảm QTCTT trong quản lý hành chính nhà nước***

Xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhà nước và xây dựng chính phủ điện tử lấy người dân làm trọng tâm là mục tiêu trong việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tăng mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với Chính phủ.

#### ***4.1.4. Kế thừa thành tựu về đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của các nước trên thế giới***

Các giải pháp đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của các nước và tổ chức thế giới phải được kế thừa và vận dụng sao cho phù hợp và đạt hiệu quả cao nhất trong hệ thống các văn bản có quy định QTCTT ở Việt Nam.

### **4.2. Các giải pháp đảm bảo quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước**

#### ***4.2.1. Hình thành môi trường phát triển dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý hành chính nhà nước***

QTCTT không phải là thứ quyền thời thượng, quyền quý tộc mà là một trong những quyền con người cơ bản của công dân. Người dân cần phải làm quen với nếp sống chủ động đòi hỏi các cơ quan nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu tìm kiếm thông tin phục vụ cho cuộc sống của mình chứ không thụ động, “mặc kệ” trước thông tin.

#### ***4.2.2. Đổi mới công tác tổ chức thực hiện quyền tiếp cận thông tin của người dân trong quản lý hành chính nhà nước***

##### ***4.2.2.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin***

Việc xây dựng và ngày càng hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất về công nghệ thông tin không chỉ góp phần vào hoàn thiện chương trình cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử theo chủ trương của Việt Nam từ những

năm 2003 mà đây cũng chính là một mục tiêu đặt ra đối với yêu cầu nâng cao khả năng thực thi QTCTT của người dân.

#### *4.2.2.2. Xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng*

Việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ở các cấp cơ sở là yêu cầu cơ bản và cấp bách nhằm đảm bảo ổn định chính trị - xã hội, tạo ra nguồn động lực mới giúp phát huy nội lực ở cơ sở, đáp ứng đòi hỏi nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước.

*4.2.2.3. Nâng cao ý thức trách nhiệm của người có thẩm quyền trong thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính nhà nước*

Bảo đảm thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan QLHCNN phụ thuộc rất nhiều vào ý thức trách nhiệm của người có thẩm quyền và các cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực hiện.

#### *4.2.2.4. Quản lý nhà nước về quyền tiếp cận thông tin*

Để tăng cường tính trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật trong việc các cơ quan quản lý nhà nước giải quyết yêu cầu tiếp cận thông tin của người dân cần có các quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan cung cấp thông tin, cán bộ, công chức, viên chức giải quyết yêu cầu tiếp cận thông tin của người dân.

***4.2.3. Hoàn thiện bộ máy đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của công dân trong quản lý hành chính nhà nước***

Việc bố trí đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp, tổng hợp tài liệu thông tin và ra quyết định cung cấp thông tin có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tùy từng điều kiện cụ thể và mức độ yêu cầu thông tin ở các cơ quan, các cơ quan nhà nước cần có một đơn vị hoặc một cán bộ chuyên trách thông tin để đảm bảo hiệu quả và trách nhiệm giải trình.

***4.2.4. Tăng cường cơ chế pháp lý bảo đảm việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước***

*4.2.4.1. Tăng cường pháp luật về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước*

*Thứ nhất*, Công khai tất cả các nội dung hoạt động của cơ quan nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, trừ những nội dung thuộc bí mật của cơ quan nhà nước.

*Thứ hai*, hoàn thiện quy định về hình thức công khai theo hướng công khai tối đa các thông tin của cơ quan nhà nước, bảo đảm QTCTT của công dân.

*Thứ ba*, bổ sung thêm quy định về công khai trong quá trình ban hành quyết định hành chính và thực hiện hành vi hành chính.

*4.2.4.2. Tăng cường pháp luật về trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao*

*Thứ nhất*, hoàn thiện quy định giải thích về trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

*Thứ hai*, cần có quy định phối hợp trong việc giải trình các nội dung liên quan đến nhiều cơ quan.

*Thứ ba*, cần bổ sung các chế tài khi vi phạm trách nhiệm giải trình.

*Thứ tư*, cần mở rộng các quy định về giám sát đối với việc thực hiện trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

**4.2.4.3. Tăng cường giám sát đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của người dân trong quản lý hành chính nhà nước**

Giám sát được thực hiện bởi nhiều chủ thể khác nhau. Để đảm bảo QTCTT của công dân trong QLHCNN được thực thi trên thực tế và có hiệu quả, cần tăng cường thực hiện các biện pháp giám sát như sau: giám sát của Đảng, giám sát trong hệ thống các cơ quan nhà nước, giám sát của các thiết chế dân sự.

**4.2.4.4. Cần có cơ chế giải quyết khiếu nại, khiếu kiện và chế tài xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến quyền tiếp cận thông tin của người dân**

Cần thành lập Cao ủy thông tin (như ở Canada) hoặc Ủy ban thông tin độc lập (như Nhật Bản) chuyên trách giám sát việc thực thi QTCTT của người dân.

**4.2.5. Nâng cao nhận thức của người dân đối với quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước**

*Thứ nhất*, xem giáo dục, tuyên truyền pháp luật nói chung, giáo dục, tuyên truyền về QTCTT của công dân nói riêng, cần được thực hiện thường xuyên, sâu rộng đến tận người dân.

*Thứ hai*, bảo đảm thực hiện QTCTT của công dân được thực hiện đầy đủ

*Thứ ba*, cần thực hiện nghiêm túc những chế tài đối với người không thực hiện đúng những quy định về QTCTT.

*Thứ tư*, đa dạng hóa các hình thức, cách thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về QTCTT.

*Thứ năm*, kết hợp phổ biến, giáo dục pháp luật với việc hướng dẫn, tư vấn cho người dân thực hiện QTCTT.

**4.2.6. Ứng dụng công nghệ thông tin đối với quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước**

Để người dân dễ dàng tiếp cận thông tin về hoạt động của bộ máy nhà nước và khắc phục sự thiếu cân đối về thông tin giữa các vùng, miền và các nhóm đối tượng, đặc biệt các khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, các khu vực khó khăn, các đối tượng là người khiếm thị, khiếm thính thì nhà nước cần chú trọng đến ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển các hệ thống cơ quan báo chí, truyền thông, có chính sách hỗ trợ cho các khu vực, đối tượng trên trong việc bảo đảm quyền của công dân.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về bảo đảm QTCTT trong QLHCNN của cá nhân, tổ chức là những đòi hỏi khách quan từ quá trình toàn cầu hóa. Cuộc cách mạng công nghệ thông tin cùng với các nguyên tắc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân là những



điều kiện cần thiết nhằm phát huy những kết quả đã đạt được và giải quyết những hạn chế, tồn tại trong việc thực hiện QTCTT. Đây cũng là nền tảng quan trọng, tiền đề cho việc pháp điển hóa quyền này. Tăng cường pháp luật và những bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện QTCTT của cá nhân, tổ chức trong QLHCNN phải được tiến hành một cách tổng thể cùng các cơ chế bảo đảm quyền con người và các quyền cơ bản khác của công dân, tổ chức với nhận thức của cả xã hội về vị trí, vai trò của QTCTT trong mối tương quan chặt chẽ với các quyền khác.

Luật Tiếp cận thông tin đã được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/07/2018, cần bắt tay xây dựng các hình thức cung cấp thông tin hiệu quả, thống nhất. Nâng cao nhận thức về trách nhiệm cung cấp thông tin cho cán bộ, công chức nhà nước và ý thức về quyền của công dân theo yêu cầu của luật. Cần đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và hỗ trợ tài chính để thực hiện quyền này trong thời gian sớm nhất sau khi ban hành luật, tránh để tình trạng luật bị treo với lý do chưa đủ điều kiện thi hành.

Xây dựng Ủy ban thông tin nhằm giám sát việc thực hiện QTCTT và bảo đảm QTCTT được thực thi có hiệu quả trên thực tế. Nâng cao vai trò giám sát của các thiết chế nhà nước, tăng cường vai trò của các thiết chế dân sự; chú trọng vai trò đặc biệt quan trọng của hệ thống các cơ quan báo chí, truyền thông trong việc bảo đảm QTCTT nói chung và QTCTT trong QLHCNN nói riêng được thực thi có hiệu quả trên thực tế. Quy định cụ thể chế tài xử lý vi phạm QTCTT của công dân trong QLHCNN.

## KẾT LUẬN

QTCTT nói chung và QTCTT trong QLHCNN nói riêng có lịch sử hình thành phát triển lâu đời và đang ngày càng được khẳng định ở các quốc gia trên thế giới. Luật pháp quốc tế đã có một hệ thống các quy định cho thấy đây là một quyền con người cơ bản đang ngày càng có ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhận thức của các nhà nước và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế chung đó.

QTCTT trong QLHCNN của cá nhân, tổ chức là khái niệm được sử dụng để nói đến khả năng của cá nhân, tổ chức được tìm kiếm thông tin, tiếp nhận và phổ biến những thông tin do nhà nước đang nắm giữ nhằm thỏa mãn các nhu cầu trong cuộc sống của mình cũng như để bảo vệ và thực hiện các quyền năng khác đã được pháp luật ghi nhận. Ở mặt đối lập nhà nước phải có nghĩa vụ bảo đảm cho tất cả mọi người được tiếp cận các nguồn thông tin liên quan đến chức năng quản lý, điều hành nhà nước.

QTCTT trong QLHCNN của cá nhân, tổ chức có vai trò rất quan trọng trong thời đại ngày nay, đảm bảo cho các hoạt động điều hành của nhà nước được công khai, minh bạch, góp phần đấu tranh phòng chống tham nhũng, góp

phần phát triển nền dân chủ của các quốc gia, xây dựng nhà nước pháp quyền và bảo vệ các quyền công dân khác.

Nhà nước có vai trò quyết định và tác động mạnh mẽ đến việc thực hiện QTCTT trong QLHCNN, vì chính các cơ quan nhà nước là chủ thể nắm giữ thông tin, là cơ quan đảm bảo cho những điều kiện thực hiện trong thực tế. Không có đảm bảo vật chất của nhà nước, các quyền con người nói chung, QTCTT trong QLHCNN nói riêng không được thực hiện trong thực tiễn.

Ý thức pháp luật và năng lực thực hiện QTCTT của người dân, tổ chức, cán bộ nhà nước còn hạn chế, chưa theo sự phát triển của cuộc cách mạng thông tin.

Những kiến nghị chính của tác giả về hoàn thiện bảo đảm QTCTT trong QLHCNN của của công dân ở nước ta hiện nay là:

- *Thứ nhất*, cần ban hành Luật về bí mật nhà nước để thay thế Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước hiện hành.

- *Thứ hai*, cần ban hành Luật Bảo vệ quyền riêng tư để hạn chế nguy cơ các cơ quan nhà nước đang lưu giữ các thông tin cá nhân không được công khai những thông tin này.

- *Thứ ba*, cần tiếp tục đầu tư cho việc đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất và hỗ trợ tài chính để thực hiện QTCTT của công dân. Chẳng hạn như xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia về thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức.

- *Thứ tư*, tăng cường công tác phổ biến, đào tạo cán bộ, công chức nhà nước về trách nhiệm cung cấp thông tin cho người dân.

- *Thứ năm*, tăng cường các cơ chế tổ chức thực thi quyền cũng như cơ chế giám sát phù hợp để bảo đảm quyền.

- *Thứ sáu*, xây dựng Ủy ban thông tin độc lập .

- *Thứ bảy*, quy định cụ thể các chế tài xử lý vi phạm: chế tài kỷ luật, hành chính, hình sự và chế tài bồi thường trong trường hợp cố ý làm sai lệch thông tin cung cấp, không cung cấp thông tin gây thiệt hại cho người yêu cầu cung cấp thông tin.

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Bùi Thị Hải (2013), “Quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước - Học viện Hành chính*, (211), tr. 87-90.
2. Bùi Thị Hải (2014), “Về quyền tiếp cận thông tin hiện nay”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước - Học viện Hành chính*, (226), tr. 96-98.
3. Bùi Thị Hải (2014), “Công khai minh bạch trong quản lý hành chính nhà nước – Kinh nghiệm của một số nước châu Mỹ”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật – Bộ tư pháp*, (tháng 4 năm 2014), <http://moj.gov.vn>.